

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày 18-9-2025

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hứa Thị Thanh Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Xuân Thủy.

2. Ông Lâm Đức Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lành Thị Thanh Nụ, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lộc Thị Mận - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 34/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Lương Văn P, sinh ngày 17/5/1976; căn cước công dân số: 020076003793; nơi thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã C, tỉnh Lạng Sơn (trước đây là xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn). Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị M, sinh ngày 06/6/1979; căn cước công dân số: 020179004263; nơi thường trú: Thôn B, xã C, tỉnh Lạng Sơn (trước đây là xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn). Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Lương Thùy N, sinh năm 2000, địa chỉ: Khố H, phường T, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lương Văn P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị M được tự do tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau trước năm 1998, tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã C, tỉnh Lạng Sơn). Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Từ

năm 2010 vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2017, ông phải đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam N2, tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh), thời gian đầu, bà Trần Thị M thỉnh thoảng đến thăm gặp, từ năm 2020 đến năm 2023 bà Trần Thị M không đến thăm gặp một lần nào. Đầu tháng 01/2023, ông chấp hành án xong trở về nhà thì bà Trần Thị M tỏ thái độ lạnh nhạt, không hỏi thăm, không nói chuyện. Từ ngày 26/01/2023, bà Trần Thị M bỏ nhà đi, không nói cho ông biết đi đâu, làm gì. Ông tìm hiểu mọi người xung quanh làng xóm thì nghe nói trong thời gian ông đi chấp hành án phạt tù, bà Trần Thị M có quan hệ với người đàn ông khác, tuy nhiên ông chỉ nghe nói như vậy, không có căn cứ chứng minh. Trong thời gian ông đi chấp hành án, bà Trần Thị M ở nhà bán hết các cây thông đã đến độ tuổi khai thác trên rừng khoảng 23.000m², khi ông trở về không còn thấy cây thông nào, rừng bị bỏ hoang. Từ khi bà Trần Thị M bỏ đi đến nay, ông nhiều lần liên hệ với bà Trần Thị M theo số điện thoại 0358.015.480 của bà Trần Thị M để nói về chuyện ly hôn nhưng không liên lạc được với bà Trần Thị M lần nào. Ông có hỏi các con của ông và người thân về bà Trần Thị M nhưng không ai rõ bà Trần Thị M đi đâu, làm gì chỉ nghe nói là bà Trần Thị M đang làm việc ở tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh) nhưng không rõ địa chỉ cụ thể ở đâu. Bà Trần Thị M vẫn thường xuyên liên lạc với con gái là chị Lương Thùy N và đã được chị Lương Thùy N thông báo là Tòa án đang giải quyết việc ông xin ly hôn, về giải quyết việc ly hôn với ông ở Tòa án nhưng bà Trần Thị M nói với chị Lương Thùy N là bà Trần Thị M không về. Ông và bà Trần Thị M thực tế đã ly thân một thời gian dài. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị M.

Về con chung: Ông và bà Trần Thị M có 03 con chung là: Lương Thanh N1, sinh ngày 06/5/1998; Lương Thùy N sinh ngày 03/7/2000; Lương Minh Y sinh ngày 17/01/2003. Các con đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không thể tổng đạt văn bản tố tụng cho bà Trần Thị M do bà Trần Thị M đã không ở nơi thường trú thôn Bản Cườm, xã C, tỉnh Lạng Sơn. Tại Công văn số 30/CAX ngày 23/7/2025 của Công an xã C, tỉnh Lạng Sơn cho biết: "Bà Trần Thị M, sinh ngày 06/6/1979 có hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã C, tỉnh Lạng Sơn (trước đây là xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn). Hiện nay, bà Trần Thị M không có mặt ở địa phương, vắng mặt tại địa phương từ ngày 26/01/2023, không rõ đi đâu, làm gì".

Người làm chứng chị Lương Thùy N trình bày: Chị là con ruột của ông Lương Văn P và bà Trần Thị M. Chị được sinh ra và lớn lên, sống cùng bố mẹ tại thôn B, xã C, tỉnh Lạng Sơn (trước đây là xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn). Từ năm 2016, chị đi lấy chồng và sống tại nhà chồng ở thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (nay là khối H, phường T, tỉnh Lạng Sơn). Chị được biết đầu năm 2023 bố chị chấp hành xong án phạt tù trở về nhà được vài ngày thì mẹ chị bỏ

nhà đi. Số điện thoại của mẹ chị là 0358.015.480. Chị vẫn thường xuyên liên lạc với mẹ chị, chủ yếu liên lạc qua zalo; zalo mẹ chị là "Trần Thị M" có hình nền đại diện là ảnh của mẹ chị cùng con trai chị chụp từ khoảng năm 2022. Cứ vài ngày mẹ chị và chị lại liên lạc với nhau qua zalo. Chị có nói với mẹ chị là về giải quyết việc ly hôn với bố ở Tòa án khu vực 1 - Lạng Sơn vì bố đang yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn nhưng mẹ chị bảo “không về kệ bố khác giải quyết như thế nào thì tùy”. Chị có hỏi mẹ chị đang ở địa chỉ cụ thể như thế nào thì mẹ chị chỉ nói là đang làm việc ở tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh) và không cho biết địa chỉ cụ thể. Lần gần đây nhất là tháng 7/2025 mẹ chị về Lạng Sơn gặp chị.

Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân của ông Lương Văn P và bà Trần Thị M, ông Hoàng Văn T – Phó thôn Bản Cườm, kiêm Tổ trưởng Tổ an ninh thôn Bản Cườm, xã C, tỉnh Lạng Sơn cho biết: "Ông sinh ra và lớn lên tại thôn B cho đến nay. Ông là hàng xóm của vợ chồng ông Lương Văn P, bà Trần Thị M. Vợ chồng ông Lương Văn P, bà Trần Thị M chung sống với nhau ở thôn Bản Cườm từ lâu. Trước đây ông Lương Văn P phải đi chấp hành án phạt tù khoảng 06 năm, đến đầu tháng 01/2023 ông Lương Văn P chấp hành án xong, trở về địa phương. Sau khi ông Lương Văn P chấp hành xong án trở về ông có nghe hàng xóm nói là vợ chồng ông Lương Văn P đánh nhau, tuy nhiên ông chỉ nghe nói mà không được chứng kiến. Cuối tháng 01/2023, bà Trần Thị M bỏ nhà đi đến nay, không rõ đi đâu, làm gì, không thấy trở lại địa phương, từ đó đến nay ông Lương Văn P sống một mình".

Tòa án đã thông báo các văn bản tố tụng trên phương tiện thông tin đại chúng để thông báo cho bà Trần Thị M biết đến Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn giải quyết vụ án ly hôn với ông Lương Văn P nhưng bà Trần Thị M đều vắng mặt, không trình bày ý kiến, vắng mặt theo thông báo triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thành phần Hội đồng xét xử hợp pháp. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự, cấp tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng hợp lệ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa

án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn P. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Lương Văn P ly hôn với bà Trần Thị M; về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét; về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về nợ chung: Không có nên không xem xét; về án phí, lệ phí: Ông Lương Văn P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không thể tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn bà Trần Thị M do bà Trần Thị M không có mặt ở nơi cư trú, chỉ xác định được bà Trần Thị M đang ở tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh) nhưng không rõ địa chỉ cụ thể do bà Trần Thị M từ chối cung cấp địa chỉ, do vậy, Tòa án đã thông báo văn bản tố tụng trên phương tiện thông tin đại chúng. Tuy nhiên, bà Trần Thị M đều vắng mặt theo thông báo triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án. Phiên tòa được triệu tập họp lệ lần thứ hai, nguyên đơn ông Lương Văn P vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn bà Trần Thị M vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Văn P và bà Trần Thị M tự nguyện tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ trước năm 1998, đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã C, tỉnh Lạng Sơn), là hôn nhân hợp pháp. Từ năm 2017 ông Lương Văn P đi chấp hành án phạt tù. Đầu tháng 01/2023 ông Lương Văn P chấp hành án xong trở về nhà. Từ ngày 26/01/2023, bà Trần Thị M bỏ nhà đi khỏi nơi thường trú cho đến nay. Như vậy, ông Lương Văn P và bà Trần Thị M thực tế đã không sống chung với nhau trong thời gian dài từ năm 2017 đến nay, không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của ông Lương Văn P và bà Trần Thị M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Lương Văn P xin ly hôn bà Trần Thị M là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Ông Lương Văn P và bà Trần Thị C 03 con chung là: Lương Thanh N1, sinh ngày 06/5/1998; Lương Thùy N sinh ngày 03/7/2000 và Lương Minh Y sinh ngày 17/01/2003, các con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông Lương Văn P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Ông Lương Văn P là nguyên đơn xin ly hôn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận ông Lương Văn P đã nộp đủ.

[7] Về lệ phí: Ông Lương Văn P là người yêu cầu Toà án thông báo văn bản tố tụng trên phương tiện thông tin đại chúng tới bà Trần Thị M nên phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền là 7.250.000 đồng. Xác nhận ông Lương Văn P đã nộp đủ.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 180 các Điều 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Lương Văn P ly hôn với bà Trần Thị M.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 226, đăng ký kết hôn ngày 15/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã C, tỉnh Lạng Sơn)).

2. Về án phí: Ông Lương Văn P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận ông Lương Văn P đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0001004 ngày 07/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 thuộc Thi hành án dân sự tỉnh L) đang được gửi tại tài khoản số 3949.0.1054441.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn tại Kho bạc Nhà nước Khu vực V - Phòng nghiệp vụ 2.

3. Về lệ phí: Ông Lương Văn P phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền là 7.250.000 đồng (bảy triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận ông Lương Văn P đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Lương Văn P, bị đơn bà Trần Thị M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 1 - Lạng Sơn;
- UBND xã Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Thị Thanh Xuyên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lâm Đức Hiếu Đào Xuân T1

Hứa Thị Thanh X